

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số : 52/2017/DS-ST
Ngày : 20-9-2017
V/V tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Bé

Bà Huỳnh Thị Ngọc Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An: bà Lê Thị Ngọc Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý 69/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2017 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết M. Địa chỉ: đường A, khu phố 2, thị trấn Tầm V, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn C. Địa chỉ: N, phường 4, thành phố A, tỉnh Long An (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Ngọc D (có mặt).

Ông Nguyễn Hoàng T (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 5, xã C, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20-3-2017, của bà Nguyễn Thị Tuyết M và quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn C là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 28/7/2016 (DL) bà Võ Thị Ngọc D có vay của bà Nguyễn Thị Tuyết M số tiền 90.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi suất, hạn 02 ngày sau trả vốn cho bà M, mục đích vay đáo hạn ngân hàng. Tuy nhiên, đã quá hạn bà D không trả vốn. Nay bà M yêu cầu bà D, ông T trả 90.000.000 đồng tiền vốn vay và lãi chậm trả với mức lãi suất là 0,75% từ ngày 28/7/2016 đến 31/7/2017 (tính 7

tháng tiền lãi chậm trả là 4.725.000 đồng), tổng cộng bà D, ông T phải trả là 94.725.000 đồng, trả trong thời gian một tháng.

Tại phiên tòa người đại diện của bà M yêu cầu bà D, ông T phải trả tiền vốn vay là 90.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bà Võ Thị Ngọc D là bị đơn trình bày: Bà thống nhất số nợ vốn vay như nguyên đơn yêu cầu, bà có vay của bà M số tiền 90.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng vốn/01 ngày. Từ ngày 28/7/2016 bà có trả tiền lãi nhưng không nhớ số tiền trả cụ thể là bao nhiêu. Vào sáng ngày 04/7/2017 bà có đến nhà bà M trả cho bà M số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng (trong đó có 10.000.000 đồng tiền mệnh giá 500.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền mệnh giá 200.000 đồng), số tiền còn nợ lại bà M là 70.000.000 đồng tiền vốn và lãi là 4.725.000 đồng. Việc trả 20.000.000 đồng tiền vốn vay cho bà M có một số người ở nhà bà M biết (bà không xác định được là họ và tên). Trước yêu cầu của bà M bà chỉ đồng ý trả vốn vay còn lại cho bà M là 70.000.000 đồng, bà đồng ý số tiền lãi chậm trả là 4.725.000 đồng, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi xong nợ.

Ông Nguyễn Hoàng T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án dân sự Thẩm phán tuân thủ các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Những người tham gia phiên tòa: Các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Ngày 28/7/2016 bà M có cho bà Dung vay 90.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn thanh toán nợ, mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng nhằm sử dụng trong kinh tế gia đình. Đến hạn thanh toán bà D không thanh toán cho bà M tiền vốn vay là 90.000.000 đồng nên bà M khởi kiện bà D và ông T. Bà D cho rằng đã trả cho bà M 20.000.000 đồng qua đối chất và tại phiên tòa, bà M và người đại diện của bà M không thừa nhận đã có nhận 20.000.000 đồng từ bà D, bà D không chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà D. Do đó cần buộc bà D và ông T phải liên đới thanh toán vốn là 90.000.000 đồng.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ của vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Tuyết M khởi kiện bà Võ Thị Ngọc D và ông Nguyễn Hoàng T về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Nguyễn Hoàng T là bị

đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy bà M yêu cầu bà D và ông T trả nợ vốn vay là 90.000.000 đồng và lãi chậm trả là 4.725.000 đồng, bà D không đồng ý vì ngày 04/7/2017 bà có trả cho bà M 20.000.000 đồng tiền vốn, bà M không thừa nhận, số nợ còn lại là 70.000.000 đồng, và xin trả dần số nợ vốn vay trên. Hội đồng xét xử nhận thấy bà D cho rằng ngày 04/7/2017 bà có trả cho bà M 20.000.000 đồng tiền vốn vay, có một số người biết, tuy nhiên bà không xác định được họ tên những người làm chứng cho mình, bà M không thừa nhận có nhận 20.000.000 đồng từ bà D và bà D không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà D.

Do số tiền nợ vốn vay bà D sử dụng vào mục đích trả nợ Ngân hàng là sử dụng chung trong cuộc sống gia đình và trong thời kỳ hôn nhân nên cần buộc bà D và ông T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà M số tiền vốn vay là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) theo quy định tại Điều 288, 463, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015, khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả là 4.725.000 đồng do nguyên đơn đã rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần về yêu cầu tính lãi chậm trả.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà M được chấp nhận, bà M không phải chịu án phí. Bà D, ông T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% giá trị tài sản tranh chấp của 90.000.000 đồng theo quy định của pháp luật nên Áp dụng khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 288, 463, 468, 470, Bộ luật Dân sự năm 2015

- Áp dụng khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Võ Thị Ngọc D và ông Nguyễn Hoàng T.

Buộc bà Võ Thị Ngọc D, ông Nguyễn Hoàng T phải liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Tuyết M vốn vay là 90.000.000 đồng. (chín mươi triệu đồng)

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi chậm trả.

Kể từ ngày bản án, (quyết định) có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày

có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà D và ông T phải liên đới nộp 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Bà M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.748.500 đồng (một triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0007607 ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Bảo Trí